

Số: 01/2023/QĐST-DS

S, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1946. Địa chỉ: Km32, QL25 Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện cho nguyên đơn: Ông Trương Đức H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (*Theo giấy ủy quyền lập ngày 18/10/2022 được UBND xã S xác nhận*).

Bị đơn: Vợ chồng ông Cù Huy H, sinh năm 1961; bà Trần Thị K, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị Q và bị đơn vợ chồng ông Cù Huy H; bà Trần Thị K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất*: Bị đơn vợ chồng ông Cù Huy H, bà Trần Thị K xác nhận vào năm 2010 có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích đất 10315m² (*Diện tích đất 10315m² chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận*) tại xứ đồng Cây da tại Thôn V, xã

S, huyện S, tỉnh Phú Yên cho nguyên đơn bà Bùi Thị Q với giá chuyển nhượng 80.000.000đ (*Hai bên đã giao nhận tiền xong*) nhưng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này chưa được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

2.2 *Về việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất:* Ngày 25/7/2011 Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10315m² theo giấy chứng nhận số BE694770; số vào sổ CGCN số CH00016 cho vợ chồng ông Cù Huy H, bà Trần Thị K. Hiện nay giấy chứng nhận này đã thất lạc không bên nào cất giữ nên các bên không tiến hành làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3 *Về quyền, nghĩa vụ của các bên:*

Bị đơn vợ chồng ông Cù Huy H, bà Trần Thị K đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 10315m² tại thửa đất số 173 tờ bản đồ số 50 tọa lạc Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên cho nguyên đơn bà Bùi Thị Q.

Bị đơn vợ chồng ông Cù Huy H, bà Trần Thị K và nguyên đơn bà Bùi Thị Q thống nhất các bên có trách nhiệm liên hệ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện S làm thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE694770; số vào sổ CGCN số CH00016 tại thửa đất số 173 tờ bản đồ số 50 diện tích 10315m² tọa lạc Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 25/7/2011 cho vợ chồng ông Cù Huy H, bà Trần Thị K đồng thời làm lại thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất 173 tờ bản đồ 50 diện tích 10315m² tại Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận số BE694770; số vào sổ CGCN số CH00016 cấp ngày 25/7/2011 do UBND huyện S) cho người nhận chuyển nhượng là bà Bùi Thị Q theo quy định của pháp luật.

2.4 *Về chi phí làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận:* Nguyên đơn bà Bùi Thị Q tự nguyện chịu.

2.5. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Bùi Thị Q tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí do bà Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002869 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Trần Nam Trung